

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH QUẢNG NGÃI

Bản án số: 62/2024/HS-ST

Ngày: 17-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Na Na

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Dũng

Bà Nguyễn Thị Xuân Thương

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Dương - Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Lĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2024 tại điểm cầu trung tâm, Phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi và điểm cầu thành phần, Nhà tạm giữ Công an thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 36/2024/TLST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2024/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh T (tên gọi khác: Không); Sinh năm: 1993; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ B, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn A, sinh năm: 1966 và bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm: 1967; có vợ Trần Thị Cà P và có 01 con sinh năm 2021. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/10/2023 cho đến nay. Hiện đang giam tại nhà T1 giữ Công an thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị hại:

1. Ông Phạm Minh H1, sinh năm: 1977; Địa chỉ: Số A A, tổ F, phường T, T, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Ông Nguyễn Đức D, sinh năm 1960; bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1967; Địa chỉ: B N, tổ H, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Ông Lê Trung N, sinh năm 1978; Địa chỉ: Lô E, Khu dân cư T, Tổ H, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

(Tại phiên tòa ông H1; ông D, bà C, ông N đều vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Võ Viết T2, sinh năm 1977- Chủ cửa hàng T3 vàng Hiền Đ.

Địa chỉ: B N, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (có mặt tại phiên toà).

+ Ông Nguyễn Hữu P1; sinh năm 1970; bà Phạm Thị Phương T4, sinh năm 1972 - Chủ tiệm V. Địa chỉ: E N, tổ B, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi

+ Ông Nguyễn Đức T5, sinh năm 1985 - Chủ tiệm V1. Địa chỉ: C Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Ông Chu Trường H2, sinh năm 1995; Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Chị Trần Thị Cà P, sinh năm 2001; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

(Tại phiên toà, Ông Nguyễn Hữu P1, bà Phạm Thị Phương T4; Ông Nguyễn Đức T5; Ông Chu Trường H2; Chị Trần Thị Cà P đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 18/10/2023, Nguyễn Thanh T điều khiển xe hiệu Honda Vision, biển kiểm soát 76C1 - 841.73 đến khu dân cư thuộc phường T mục đích để trộm cắp tài sản. T để xe tại khu vực Công viên gần quán C2 rồi đi bộ nhà Đồng Thị Thu S (địa chỉ số F T, phường T, thành phố Q), leo lên tầng 2 ngôi nhà, bẻ cong song sắt bảo vệ cửa sổ đột nhập vào bên trong. Khi T đang bò dưới nền để lục tìm tài sản thì chị Trần Đồng Quỳnh N1 (con gái bà Đồng Thị Thu S) phát hiện, hô hoán. T bỏ chạy xuống tầng dưới, mở cửa phòng bếp, đi ra theo đường kỹ thuật bỏ trốn. Khi ra lấy xe mô tô tại khu vực công viên thì bị người dân phát hiện, trình báo với Công an phường T tiếp nhận, giải quyết.

Trong quá trình điều tra T đã khai: Để có tiền tiêu xài cá nhân, T đã nhiều lần thực hiện thủ đoạn đột nhập nhà người khác vào ban đêm để trộm cắp tài sản, cụ thể:

Lần thứ nhất, khoảng 00 giờ 30 phút ngày 28/09/2023, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Satria màu trắng đen, biển kiểm soát 65G1-341.85 (của chị Trần Thị Cà P) đến khu dân cư B. T để xe tại công viên rồi đi bộ theo đường kỹ thuật đến phía sau nhà anh Phạm Minh H1. Thấy cửa phía sau không khoá, T đi vào bên trong, leo tường rào rồi đột nhập vào tầng 2 của ngôi nhà (nhà có hai tầng). T đi vào phòng ngủ của vợ chồng anh Phạm Minh H1, lấy một chiếc điện thoại iPhone 11 Pro Max, một điện thoại I Phone 12 Pro Max để trên tủ đầu giường. T tiếp tục lục tìm trong túi xách bên cạnh, lấy tiền có trong ví da màu đen rồi trốn ra ngoài theo lối đã đi vào.

T lấy xe đi về phòng trọ. Trên đường đi, T dừng xe đếm được số tiền đã

trộm cắp là 4.000.000 đồng. Ngày hôm sau, T đã bán hai chiếc điện thoại iPhone với giá 9.000.000 đồng cho một người đàn ông (không xác định được nhân thân lai lịch) tại bến xe Q. Toàn bộ số tiền có được từ việc trộm cắp T sử dụng để tiêu xài cá nhân.

Lần thứ 2, khoảng 23 giờ ngày 10/10/2023, Nguyễn Thanh T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 65G1-341.85 đến tại cổng THCS T, thành phố Q. T đi bộ theo đường kỹ thuật đến phía sau nhà ông Nguyễn Đức D. T mở cửa sau (cửa không khoá), đi vào và phòng bếp. Tại đây, T lục tìm lấy một sợi dây chuyền vàng và tiền của bà Nguyễn Thị C trong túi xách bằng vải để trên bàn ăn. T lấy một điện thoại di động Sam Sung Galaxy J6+. T đi vào phòng ngủ của ông D, lấy tiền có trong ví da màu đen để trong tủ đồ rồi tẩu thoát ra ngoài theo đường đã vào. T đi về phòng trọ. Trên đường đi, T dừng đếm số tiền đã trộm cắp được 5.500.000 đồng. Ngày 11/10/2023, T đi tìm nơi để bán sợi dây chuyền vàng. Khi đi ngang qua cầu T, thành phố Q, T vứt bỏ điện thoại di động Galaxy J6+ xuống sông T rồi điều khiển xe mô tô đi đến tiệm V2 và bán sợi dây chuyền cho ông Võ Viết T2 với giá 4.700.000 đồng. T sử dụng để tiêu xài cá nhân. Cơ quan điều tra đã thu giữ sợi dây chuyền từ ông Võ Viết T2.

Lần thứ 3, khoảng 23 giờ đêm ngày 14/10/2023, Nguyễn Thanh T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 65G1-341.85 đến Khu dân cư T, phường T, thành phố Q, để xe tại công viên. T đi theo đường kỹ thuật đến phía sau nhà anh Lê Trung N. T mở cửa (cửa không khoá) đi vào bên trong, leo lên tường rào đột nhập vào tầng hai ngôi nhà. Do thấy có Camera giám sát, T cởi áo thun, che mặt để tránh C1 rồi đi tìm tài sản để trộm cắp. T đi xuống tầng 1 (tầng trệt), đến vị trí gắn camera giám sát, xoay camera hướng vào tường. Lúc này, thấy có người mở cửa vào nhà nên T đi lên lại tầng hai, trốn tại hành lang ban công. Khoảng 30 phút sau, T quay lại đột nhập vào bên trong, đi đến phòng ngủ con anh N. Tại đây, T mở ngăn tủ nhựa trên cùng, bên trái phát hiện có tiền nên lấy bỏ vào túi quần rồi tẩu thoát theo lối đã vào. T lấy xe mô tô điều khiển đi về phòng trọ. Trên đường đi, T dừng xe đếm được số tiền trộm cắp gồm: 12.000.000 đồng; 09 (chín) tờ tiền Đô la M (mỗi tờ có mệnh giá 100 USD, tổng cộng 900 USD) và 14 (mười bốn) tờ tiền Yên Nhật (mỗi tờ có mệnh giá 1000 Yên, tổng cộng 14.000 Yên). Ngày 15/10/2023, T mang 900 USD đến tiệm V đổi được 21.310.000 đồng. T dùng số tiền 20.000.000 đồng để chuộc lại 01 (một) chiếc nhẫn vàng và 01 (một) sợi dây chuyền vàng mà T đã bán trước đó tại đây. T tiếp tục điều khiển xe mô tô đi đến tiệm V1 để đổi tiền Yên Nhật thành tiền Việt Nam. Tuy nhiên, khi lấy số tiền Yên N2 ra để đổi, T phát hiện chỉ còn lại 08 (tám) tờ (tương đương 8000 Yên). T đổi cho anh Nguyễn Đức T5 (chủ tiệm vàng) được 1.200.000 đồng. Toàn bộ số tiền có được từ việc trộm cắp, T đã tiêu xài cá nhân. Đối với 01 (một) chiếc nhẫn vàng và 01 (một) sợi dây chuyền vàng T mua lại tại tiệm V đã bị Cơ quan điều tra thu giữ.

** Vật chứng thu giữ:*

+ 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại vàng gồm các mắc xích nối lại với nhau, trên dây chuyền có ký hiệu KT*610; 01 (một) nhẫn bằng kim loại vàng, trên

nhấn có đính các hạt màu trắng, mặt trong nhấn có ký hiệu K★L★610. Đây là số vàng T dùng tiền có được từ việc trộm cắp để chuộc lại.

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vison, màu xanh, biển kiểm soát 76C1-841.73. Đây là xe mô tô của anh Chu Trường H2 cho T mượn để sử dụng. Anh H2 không biết T sử dụng xe mô tô để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô này cho anh Chu Trường H2.

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, số loại Satria, màu trắng đen, biển kiểm soát 65G1-341.85. Xe mô tô này là tài sản riêng của chị Trần Thị Cà P (vợ cũ của T). Chị P cho T mượn xe để sử dụng và không biết T dùng để đi trộm cắp tài sản, cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô này cho chị P.

+ 09 tờ tiền đô la Mỹ (USD), mệnh giá mỗi tờ 100 USD, tổng cộng 900 USD và 08 tờ tiền Yên Nhật, mệnh giá mỗi tờ 1000 Yên, tổng cộng 8000 Yên. Đây là tài sản của anh Lê Trung N, cơ quan điều tra đã trả lại cho anh N.

+ 01 sợi dây chuyền vàng có khối lượng 5,39 gam. Đây là tài sản của chị Nguyễn Thị C, cơ quan điều tra đã trả lại cho chị C.

+ 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung, màu trắng, có gắn thẻ sim V3 0395455963. Đây là tài sản Nguyễn Thanh T (không liên quan đến hành vi phạm tội), cơ quan điều tra đã trả lại cho T.

+ 01 (một) áo khoác dù dài tay, màu xám; 01 (một) áo thun ngắn tay, màu trắng: Đây là trang phục T mặc khi thực hiện hành vi trộm cắp.

+ Một đĩa DVD-R có chứa: 01 (một) đoạn video camera an ninh trong nhà anh Lê Trung N từ lúc 22 giờ 48 phút 04 giây đến 22 giờ 50 ngày 14/10/2023 ghi lại hình ảnh T đang lục tìm tài sản tại nhà anh N; 01 (một) đoạn video từ 07 giờ 36 phút 44 giây ngày 15/10/2023 đến 07 giờ 41 phút 58 giây ngày 15/10/2023 được trích xuất từ hệ thống camera an ninh tại tiệm V ghi lại hình ảnh T đổi tiền đô la Mỹ.

** Về kết luận định giá tài sản:*

Tại bản kết luận số: 97/KL-HĐĐGTTTHS ngày 15/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Q, kết luận:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11 PROMAX màu vàng, loại 256GB, tại thời điểm ngày 27/09/2023, trị giá 9.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín triệu đồng).

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 12 PROMAX màu xám, loại 256GB, tại thời điểm ngày 27/09/2023, trị giá 12.500.000 đồng (Bằng chữ: Mười hai triệu năm trăm ngàn đồng).

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY J6+, màu đỏ, tại thời điểm ngày 10/10/2023, trị giá 600.000 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm ngàn đồng).

- 01 (một) ốp lưng điện thoại bằng nhựa màu kem, loại dành cho điện thoại SAMSUNG GALAXY J6+, tại thời điểm ngày 10/10/2023, trị giá 5.000 đồng

(Bằng chữ: Năm ngàn đồng).

- 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại vàng, tại thời điểm ngày 10/10/2023, trị giá 5.500.000 đồng (Bằng chữ: Năm triệu năm trăm ngàn đồng).

Tổng cộng: 27.605.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi bảy triệu sáu trăm lẻ năm ngàn đồng).

* *Phần xác định giá trị quy đổi của ngoại tệ:* Tại văn bản số 987/QNG1 ngày 23/10/2023 và số 1154/QNG2 ngày 14/12/2023 của Ngân hàng N3; Thông tư số 26/2020/TT-NHNC. Theo đó, ngày 14/10/2024 Ngân hàng N3 công bố: Tỷ giá quy đổi một Đô la Mỹ (USD) thành tiền Việt Nam là 24.077 đồng (*Hai mươi bốn ngàn không trăm bảy mươi bảy đồng*); Tỷ giá quy đổi một Yên Nhật (JPY) thành tiền Việt Nam là 161,67 đồng (*Một trăm sáu mươi một phẩy sáu mươi bảy đồng*).

Như vậy tổng giá trị quy đổi 900 USD và 14.000 Yên Nhật thành tiền Việt Nam đồng tại thời điểm ngày 14/10/2023 là: 23.932.680 đồng.

* *Về kết quả trưng cầu giám định:*

- Tại kết luận giám định số: 2393/KL-KTHS, ngày 24/11/2023, Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận:

+ 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng (tạm giữ từ ông Võ Viết T2) gửi giám định có kim loại vàng (A), đồng (Cu) và bạc (Ag); hàm lượng của từng kim loại như sau: vàng là 68%, đồng là 22,9%, bạc là 9,1%; khối lượng mẫu là 5,39gam.

- Tại kết luận giám định số: 2655/KL-KTHS ngày 03/01/2024, Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận:

+ 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, gồm các mắt xích nối lại với nhau, trên có chữ, số “KT*610” gửi giám định có kim loại vàng (A1), đồng (Cu) và bạc (Ag); hàm lượng từng kim loại cụ thể như sau: vàng là 61,0%; đồng là 22,2%; bạc là 16,8%; khối lượng mẫu là 18,78gam.

+ 01 (một) nhẫn bằng kim loại màu vàng trên nhẫn có đính các hạt màu trắng, mặt trong nhẫn có ký hiệu K★L★610 gửi giám định có kim loại vàng (A), đồng (Cu) và bạc (Ag); hàm lượng từng kim loại cụ thể như sau: vàng là 61,0%; đồng là 21,6%; bạc là 17,4%; tổng khối lượng mẫu là 6,72gam (tính cả khối lượng các hạt chất màu trắng).

* *Về trách nhiệm dân sự:*

- Anh Lê Trung N đã nhận lại số tiền 900 USD và 8.000 Yên N2. Anh N yêu cầu bị cáo T tiếp tục bồi thường tổng số tiền tương đương với tổng giá trị tài sản bị cáo T đã chiếm đoạt chưa thu hồi được là 12.970.020 đồng.

- Anh Phạm Minh H1 yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 4.000.000 đồng và giá trị 02 chiếc điện thoại iPhone T đã chiếm đoạt theo kết luận định giá là 21.500.000 đồng. Tổng cộng: 25.500.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Đức D đã nhận lại 01 sợi dây chuyền vàng có khối lượng 5,39 gam do Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị C, bà C, ông D yêu cầu T bồi thường số tiền 5.500.000 đồng và giá trị của điện thoại Galaxy kèm ốp lưng theo kết luận định giá là 605.000 đồng. Tổng cộng 6.105.000 đồng.

- Bà Phạm Thị Phương T4 chủ tiệm V yêu cầu bị cáo T phải bồi thường số tiền đã đòi 900 USD (đã bị cơ quan điều tra thu giữ) là 21.310.000 đồng.

- Anh Nguyễn Đức T5, Võ Viết T2 không có yêu cầu gì về dân sự đối với bị cáo T.

* Tại bản Cáo trạng số 42/CT-VKS ngày 22-3-2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi đã truy tố Nguyễn Thanh T về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố Nguyễn Thanh T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/10/2023.

- Về xử lý vật chứng:

+ 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại vàng gồm các mắc xích nối lại với nhau, trên dây chuyền có ký hiệu KT*610; 01 (một) nhẫn bằng kim loại vàng, trên nhẫn có đính các hạt màu trắng, mặt trong nhẫn có ký hiệu K★L★610. Đây là số vàng T dùng tiền có được từ việc trộm cắp để chuộc lại. Đề nghị Hội đồng xét xử tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ 01 (một) áo khoác dù dài tay, màu xám; 01 (một) áo thun ngắn tay, màu trắng: Đây là trang phục T mặc khi thực hiện hành vi trộm cắp. Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.

+ Một đĩa DVD-R có chứa: 01 (một) đoạn video camera an ninh trong nhà anh Lê Trung N từ lúc 22 giờ 48 phút 04 giây đến 22 giờ 50 ngày 14/10/2023 ghi lại hình ảnh T đang lục tìm tài sản tại nhà anh N; 01 (một) đoạn video từ 07 giờ 36 phút 44 giây ngày 15/10/2023 đến 07 giờ 41 phút 58 giây ngày 15/10/2023 được trích xuất từ hệ thống camera an ninh tại tiệm V ghi lại hình ảnh T đòi tiền đô la Mỹ. Đề nghị Hội đồng xét xử lưu hồ sơ vụ án.

* **Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng các Điều 584; 585; 586 và 589 Bộ luật dân sự năm 2015. Chấp nhận yêu cầu bồi thường của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Buộc bị cáo T phải bồi thường cho anh Lê Trung N là 12.970.020 đồng; bồi thường cho anh Phạm Minh H1 số tiền: 25.500.000 đồng; bồi thường cho bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Đức D số tiền 6.105.000 đồng và bà Phạm Thị Phương T4 số tiền 21.310.000 đồng.

Ý kiến tranh luận của bị cáo: Thống nhất không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Quảng Ngãi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử. Vì lời khai của những người này đã khai đầy đủ, thể hiện rõ trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Xét thấy, lời khai của bị cáo Nguyễn Thanh T tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Đối chiếu với những tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở và căn cứ pháp lý để Hội đồng xét xử kết luận:

Vào các ngày 28/09/2023; ngày 10/10/2023 và ngày 14/10/2023 bị cáo Nguyễn Thanh T đã có hành vi lén lút đột nhập vào nhà của các bị hại để trộm cắp các tài sản gồm tiền, nhẫn, dây chuyền, điện thoại di động, 900 USD và 8000 Yên. Tổng giá trị tài sản do bị cáo T đã trộm cắp có giá trị là 73.037.680 đồng.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thanh T đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T về tội danh, điều luật áp dụng nêu trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bản thân bị cáo nhận thức rõ việc trộm cắp tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật, bị nghiêm cấm, nhưng do muốn có tiền để tiêu xài cá nhân bị cáo đã nẩy định lòng tham và đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của bị hại để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, hành vi của bị cáo đã làm ảnh hưởng lớn đến trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần phải có một mức hình phạt thật tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, nhằm

cách ly bị cáo ra khỏi xã hội trong một khoảng thời gian, mới đủ sức răn đe, giáo dục, cải tạo đối với bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên.

- Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải thuộc trường hợp quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Vì hiện nay bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải bồi thường cho anh Lê Trung N số tiền 12.970.020 đồng; bồi thường cho anh Phạm Minh H1 số tiền 25.500.000 đồng; bồi thường cho ông Nguyễn Đức D, bà Nguyễn Thị C số tiền 6.105.000 đồng và bồi thường cho bà Phạm Thị Phương T4 số tiền 21.310.000 đồng.

- Đối với ông Nguyễn Đức T5, Võ Viết T2 không có yêu cầu gì về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[7] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tiếp tục tạm giữ 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại vàng gồm các mắc xích nối lại với nhau, trên dây chuyền có ký hiệu KT*610 và 01 (một) nhẫn bằng kim loại vàng, trên nhẫn có đính các hạt màu trắng, mặt trong nhẫn có ký hiệu K★L★610 để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) áo khoác dù dài tay, màu xám và 01 (một) áo thun ngắn tay, màu trắng (đã qua sử dụng).

(Tại biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 04/4/2024 giữa Công an Thành phố Q với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi).

- Lưu hồ sơ vụ án một đĩa DVD-R có chứa: 01 (một) đoạn video camera an ninh trong nhà anh Lê Trung N từ lúc 22 giờ 48 phút 04 giây đến 22 giờ 50 ngày 14/10/2023 ghi lại hình ảnh T đang lục tìm tài sản tại nhà anh N; 01 (một) đoạn video từ 07 giờ 36 phút 44 giây ngày 15/10/2023 đến 07 giờ 41 phút 58 giây ngày 15/10/2023 được trích xuất từ hệ thống camera an ninh tại tiệm V ghi lại hình ảnh T đối diện đô la Mỹ.

[8] Các tình tiết có liên quan trong vụ án:

- Đối với hành vi của anh Nguyễn Đức T5 và chị Phạm Thị Phương T4 nhận đổi 8000 Y và đổi 900 USD cho bị cáo T thành tiền Việt Nam đồng và hành vi của anh Võ Viết T2 khi nhận mua 01 (một) sợi dây chuyền vàng từ bị cáo T đều không biết các tài sản này do bị cáo T trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với anh T5; chị P và anh T2 là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đối với các xe mô tô biển số 65G1-341.85 là của chị Trần Thị Cà P2 và xe mô tô biển số 76C1-841.73 là của anh Chu Trường H2. Khi bị cáo T mượn xe đi trộm cắp thì chị P; anh H2 đều không biết. Vì vậy, Trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã trả lại các xe mô tô trên cho chị P và anh H2 là đúng pháp luật.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung, màu trắng, có gắn thẻ sim V3 0395455963. Đây là tài sản bị cáo Nguyễn Thanh T không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo.

[9] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tại phiên tòa về tội danh, mức hình phạt, về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng là có căn cứ, đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thanh T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 3.294.251 đồng (Ba triệu, hai trăm chín mươi bốn nghìn, hai trăm năm mươi một đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội: *“Trộm cắp tài sản”*. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T **02** (hai) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19-10-2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải bồi thường cho anh Lê Trung N số tiền 12.970.020 đồng (Mười hai triệu, chín trăm bảy mươi nghìn, không trăm hai mươi đồng); bồi thường cho anh Phạm Minh H1 số tiền 25.500.000 đồng; bồi thường cho ông Nguyễn Đức D, bà Nguyễn Thị C số tiền 6.105.000 đồng và bồi thường cho bà Phạm Thị Phương T4 số tiền 21.310.000 đồng.

- Đối với ông Nguyễn Đức T5, Võ Viết T2 không có yêu cầu gì về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tiếp tục tạm giữ 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại vàng gồm các mắt xích nối lại với nhau, trên dây chuyền có ký hiệu KT*610 và 01 (một) nhẫn bằng kim loại vàng, trên nhẫn có đính các hạt màu trắng, mặt trong nhẫn có ký hiệu K★L★610 để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu tiêu huỷ 01 (một) áo khoác dù dài tay, màu xám và 01 (một) áo thun ngắn tay, màu trắng (đã qua sử dụng).

(Tại biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 04/4/2024 giữa Công an Thành phố Q với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi).

- Lưu hồ sơ vụ án một đĩa DVD-R có chứa: 01 (một) đoạn video camera an ninh trong nhà anh Lê Trung N từ lúc 22 giờ 48 phút 04 giây đến 22 giờ 50 ngày 14/10/2023 ghi lại hình ảnh T đang lục tìm tài sản tại nhà anh N; 01 (một) đoạn video từ 07 giờ 36 phút 44 giây ngày 15/10/2023 đến 07 giờ 41 phút 58 giây ngày 15/10/2023 được trích xuất từ hệ thống camera an ninh tại tiệm V ghi lại hình ảnh T đối tiền đồ la Mỹ.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1, 3 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 3.294.251 đồng (*Ba triệu, hai trăm chín mươi bốn nghìn, hai trăm năm mươi một đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331; 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Án sơ thẩm xử công khai bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CQCSĐT Công an TP Quảng Ngãi;
- Cơ quan THAHS Công an TP Quảng Ngãi;
- Phòng NVLT Công an TP Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS TP Quảng Ngãi;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Na Na

